

TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 187 /TNB

Tp. Cần Thơ, ngày 02 tháng 04 năm 2021

V/v công bố thông tin báo cáo  
thường niên năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

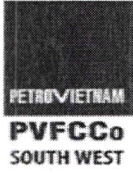
1. Tên đơn vị: Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
2. Mã chứng khoán: PSW.
3. Trụ sở chính: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.
4. Điện thoại: (0292) 3765 080; Fax: (0292) 3765 078
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thanh Tùng**.  
Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Điện thoại: (0292) 3765 079 Fax: (0292) 3765 078.
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ  
(Công ty đánh dấu X vào mục cần công bố).
7. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2020.
8. Địa chỉ Website: [www.psw.vn](http://www.psw.vn), đăng tải toàn bộ báo cáo thường niên năm 2020.

Chúng tôi xin cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT, BKS, BGĐ Công ty;
- P.TCHC, P. TCKT, P.KD, BBTWebsite;
- Lưu: VT, PHN.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBBT  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
  
Lê Thanh Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ**  
151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ



# **BÁO CÁO**

## **THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

*Tp. Cần Thơ, tháng 04 năm 2021*



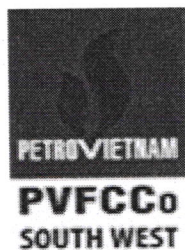
## Mục lục

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG .....	2
1. Thông tin khái quát .....	2
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	2
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý .....	3
5. Định hướng phát triển .....	4
6. Các rủi ro.....	5
PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020.....	5
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh .....	5
2. Tổ chức và nhân sự .....	6
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	7
4. Tình hình tài chính .....	7
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: .....	8
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PSW. ....	8
PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC .....	10
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: .....	10
2. Tình hình tài chính: .....	10
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: .....	11
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2021:.....	11
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PSW: .....	11
PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	12
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PSW.....	12
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGD Công ty.....	12
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.....	12
PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY .....	13
1. Hội đồng Quản trị: .....	13
2. Ban kiểm soát:.....	15
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS:.....	16
PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....	16

## PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch:  
Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ TÂY NAM BỘ  
Tên tiếng Anh: SOUTH WEST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: PSW
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800722461
- Vốn điều lệ: 170.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
- Số điện thoại: (0292) 3765 079                      Số fax : (0292) 765 078
- Website: [www.psw.vn](http://www.psw.vn)
- Mã chứng khoán: PSW
- Biểu tượng công ty:



### 2. Quá trình hình thành và phát triển

- Ngày 08/07/2004, Giám đốc Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) đã có quyết định số 288/QĐ-TCHC về việc thành lập Tổ Thị trường Miền Tây Nam Bộ.
- Ngày 14/01/2007, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam có quyết định 077/QĐ-HĐQT thành lập Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 19/09/2007, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định số 017/QĐ-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ.
- Ngày 27/12/2007, Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc đổi tên Chi nhánh Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí tại Cần Thơ thành Xí nghiệp trực thuộc Công ty.
- Ngày 07/08/2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc thành lập Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Ngày 24/12/2010, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí đã ra quyết định về việc chuyển đổi Công ty TNHH MTV Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ thành Công ty cổ phần.
- Sau khi hoàn thiện các thủ tục pháp lý, ngày 31/12/2010, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Cần Thơ cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 1800722461 cho Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ.
- Kể từ ngày 01/01/2011 đến nay, Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần theo Quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam.
- Ngày 25/03/2014, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán.

- Ngày 30/06/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ra quyết định chấp thuận niêm yết.
- Ngày 21/07/2015, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ chính thức khai trương phiên giao dịch đầu tiên với mã cổ phiếu là PSW.
- Ngày 03/09/2020 Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ đã được Sở kế hoạch Đầu tư Tp. Cần Thơ chấp thuận đăng ký thay đổi lần thứ 11 về giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty.

### 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

#### 3.1. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phân bón, hóa chất và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; bán buôn vật tư nông nghiệp.
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa.
- Đại lý, môi giới, đấu giá.
- Vận tải hàng hóa thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
- Quảng cáo.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

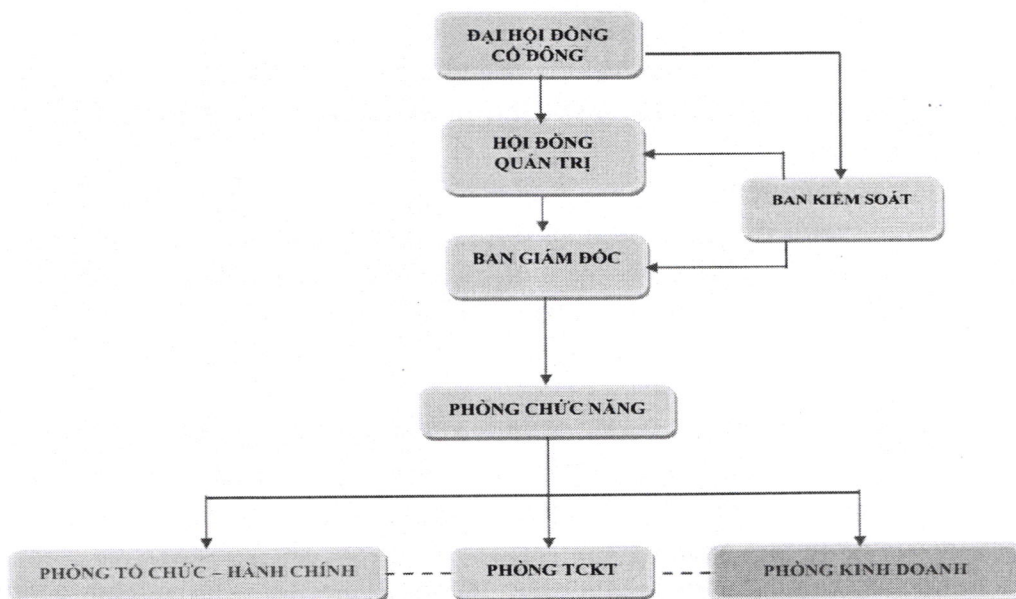
#### 3.2. Địa bàn kinh doanh:

Các hoạt động kinh doanh của Công ty có địa bàn chính tại khu vực Đồng Bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) và trụ sở của Công ty đặt tại Thành phố Cần Thơ.

### 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 4.1. Mô hình quản trị:

PSW là Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức của Công ty như sau:



#### 4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

4.2.1 Đại Hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ): Cơ quan có thẩm quyền cao nhất Công ty.

4.2.2 Ban Kiểm soát (BKS): Cơ quan giám sát Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động SXKD.

4.2.3 Hội Đồng quản trị (HDQT): Cơ quan quản lý Công ty do Đại Hội đồng Cổ đông bầu ra và hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam.

#### 4.2.4 Ban Giám đốc (BGĐ)

- Giám đốc (GD): Người đại diện theo pháp luật, trực tiếp điều hành hoạt động SXKD tại Công ty.
- Phó Giám đốc (PGĐ) phụ trách nội chính, kế hoạch đầu tư, mua sắm, công tác điều độ hàng hóa và nghiên cứu phát triển.

4.2.5 Các phòng nghiệp vụ gồm 03 phòng chức năng: Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng Kinh doanh.

### 5. Định hướng phát triển

#### 5.1. Các mục tiêu chủ yếu của PSW:

- Tiếp tục phát huy và giữ vững thị phần phân Đạm Phú Mỹ tại ĐBSCL.
- Từng bước chiếm lĩnh thị phần và xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm Phân bón Phú Mỹ.
- Đa dạng hóa sản phẩm:
- + Phát triển thêm các sản phẩm cộng thêm cũng như các sản phẩm phân bón khác phù hợp với nhu cầu, thổ nhưỡng khu vực ĐBSCL.
- + Kinh doanh thương mại các sản phẩm nhập khẩu có chất lượng, giá thành phù hợp, có uy tín.
- Nghiên cứu thị trường, tìm cơ hội, đối tác trong lĩnh vực nông nghiệp, nông dược theo hướng xanh, sạch và thân thiện với môi trường.
- Tập trung củng cố, hoàn thiện hệ thống phân phối nhằm tối ưu hóa hệ thống kho bãi của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP (DPM) và PSW đã đầu tư, đảm bảo phục vụ kinh doanh phân bón tại ĐBSCL đạt hiệu quả cao nhất.
- Xây dựng và duy trì đội ngũ CBCNV chất lượng cao, chuyên nghiệp, hiệu quả; đặc biệt đội ngũ bán hàng, marketing, dịch vụ kỹ thuật giỏi về nông nghiệp, am hiểu khách hàng, thị trường.

#### 5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Phấn đấu trở thành doanh nghiệp kinh doanh và phân phối phân bón, nông dược hàng đầu tại ĐBSCL. Chủ động và tích cực tham gia vào chuỗi giá trị sản xuất nông nghiệp.

#### 5.3. Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của PSW:

Trong định hướng hoạt động, PSW xác định việc phát triển sản xuất kinh doanh đi đôi với việc bảo vệ môi trường và chia sẻ trách nhiệm cùng xã hội là một trong những tiêu chí luôn được PSW đề cao.

- Áp dụng mọi biện pháp để loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây ảnh hưởng xấu đến môi trường.
- Sản xuất kinh doanh đi đôi với bảo vệ môi trường.
- Đồng hành cùng bà con nông dân: Hướng dẫn sử dụng phân bón, kỹ thuật nông nghiệp, cung cấp thông tin nông nghiệp cho nông dân như thông tin thời tiết, sâu bệnh, giá cả nông sản,....
- Cùng DPM triển khai thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn.

## 6. Các rủi ro

### Những rủi ro trong quá trình thực hiện chiến lược:

- Sản phẩm kinh doanh chủ lực của PSW là phân đạm trong bối cảnh thị trường cung đã vượt xa cầu dẫn đến có sự cạnh tranh gay gắt, biên lợi nhuận ngày càng giảm.
- Tình trạng phân bón giả, phân bón kém chất lượng chưa được kiểm soát chặt chẽ tạo ra sự cạnh tranh không lành mạnh và thiệt hại cho nông dân cũng như các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh các sản phẩm đảm bảo chất lượng và tuân thủ các quy định.
- Chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón ngày càng tăng, đặc biệt là chi phí cho các hoạt động chăm sóc khách hàng, khuyến mãi, chi phí tiếp thị, bán hàng.
- Diễn biến khí hậu bất thường, dịch bệnh thường xuyên xảy ra gây thiệt hại lớn cho sản xuất nông nghiệp; Giá cả nông sản luôn bấp bênh và ẩn chứa nhiều rủi ro trong sản xuất nông nghiệp đã tác động đến việc tái đầu tư trong sản xuất nông nghiệp ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của PSW.
- Diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp do tiến trình đô thị hóa, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu.

## PHẦN II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

#### 1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

*Dvt: Đồng*

CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN
<b>1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.775.774.614.572</b>
2. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.727.861.100.782
<b>3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp</b>	<b>47.913.513.790</b>
4. Doanh thu hoạt động tài chính	1.805.493.042
5. Chi phí tài chính	219.023.643
6. Chi phí bán hàng	27.101.025.523
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.922.146.646
<b>8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>5.476.811.020</b>
9. Thu nhập khác	5.008.288.506
10. Chi phí khác	6.459.188,00
<b>11. Lợi nhuận khác</b>	<b>5.001.829.318</b>
<b>12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>10.478.640.338</b>
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.110.934.600
<b>14. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>8.367.705.738</b>

## 1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đvt: Tỷ đồng

Stt	Các chỉ tiêu	TH 2019	KH 2020	TH 2020	(%) TH 2020/KH 2020	(%) TH 2020/TH 2019
1	Tổng doanh thu (thuần)	1.796,95	2.073,22	1.782,59	85,98%	99,19%
2	Tổng chi phí	1.789,44	2.059,87	1.772,11	86,03%	99,02%
3	Lợi nhuận trước thuế	7,50	13,34	10,48	78,53%	139,67%
4	Lợi nhuận sau thuế	5,99	10,68	8,37	78,38%	139,70%

**2. Tổ chức và nhân sự**

## 2.1. Danh sách BGD:

## 2.1.1. Giám đốc Công ty: (Giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến ngày 24/08/2020)

**Ông Trịnh Văn Khiêm** Giới tính: Nam.

- + Ngày sinh: 21/02/1973.
- + Số CMND: 025988918 do CA Tp.HCM cấp ngày 02/03/2015.
- + Trình độ: Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 20% (trong đó tỷ lệ cổ phần biểu quyết đại diện vốn của DPM là 20%; tỷ lệ cổ phần sở hữu cá nhân có quyền biểu quyết là 0 %).

Ngày 24/08/2020, HĐQT đã công bố quyết định miễn nhiệm Ông Trịnh Văn Khiêm không đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty và bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Bằng Phó Giám đốc Công ty đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty

**Ông Nguyễn Công Bằng** Giới tính: Nam (Giai đoạn từ ngày 24/08/2020 đến ngày 31/12/2020)

- + Ngày sinh: 10/09/1977
- + Số CMND: 025899154 do CA Tp.HCM cấp ngày 03/06/2014
- + Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 20% (trong đó tỷ lệ cổ phần biểu quyết đại diện vốn của DPM là 20%, phần vốn này DPM ủy quyền cho Ông Bằng đại diện thay Ông Khiêm)

## 2.1.2. Phó Giám đốc phụ trách nội chính, kế hoạch đầu tư, mua sắm, công tác điều độ hàng hóa và nghiên cứu phát triển:

- + Ông Lê Thanh Tùng Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 17/12/1978
- + Số CMND: 171782520 do CA. Thanh Hóa cấp ngày 26/11/2007
- + Trình độ: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 12,5% (trong đó tỷ lệ cổ phần biểu quyết đại diện vốn của DPM là 12,5%; tỷ lệ cổ phần sở hữu cá nhân có quyền biểu quyết là 0,003%).

## 2.1.3. Kế toán trưởng:

- + Ông Nguyễn Thành Công Giới tính: Nam
- + Ngày sinh: 09/06/1978
- + Số CMND: 362419597 do CA Tp. Cần Thơ cấp ngày 19/07/2010
- + Trình độ: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng
- + Tỷ lệ cổ phần sở hữu có quyền biểu quyết: 0,007% (sở hữu cá nhân).

## 2.2. Những thay đổi trong BGD:



Ngày 24/08/2020, HĐQT đã công bố quyết định miễn nhiệm Ông Trịnh Văn Khiêm không đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty và bổ nhiệm Ông Nguyễn Công Bằng Phó giám đốc Công ty đảm nhận chức danh Giám đốc Công ty. Lý do Ông Khiêm nhận nhiệm vụ mới tại Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (DPM)

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

2.3.1 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Diễn giải	Số lượng (người)	Tỷ lệ %
Thạc sĩ	10	16.66%
Đại học	42	70%
Cao Đẳng	1	8.33%
Trung cấp	5	1.66%
Lao động phổ thông	2	3.33%
Tổng cộng	60	100%

2.3.2 Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- PSW luôn thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN cho toàn thể CBCNV.
- PSW luôn quan tâm để đảm bảo và không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Trong năm 2020, PSW không thực hiện công tác đầu tư XDCB. Công tác mua sắm tài sản, trang thiết bị luôn tuân thủ đúng các quy trình và quy định liên quan. Quán triệt chủ trương tiết kiệm chống lãng phí nên PSW chỉ thực hiện mua sắm khi có nhu cầu thực sự đồng thời lựa chọn nhà cung cấp theo chào giá cạnh tranh nên đơn giá hàng hóa mua sắm thường thấp hơn giá kế hoạch.

### 4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Tăng (+), giảm (-)	% Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	241.561	239.225	(2.336)	-0,97%
Doanh thu thuần	1.789.079	1.775.775	(13.304)	-0,74%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.082	5.477	2.395	77,70%
Lợi nhuận khác	4.421	5.002	581	13,14%
Lợi nhuận trước thuế	7.503	10.479	2.976	39,66%
Lợi nhuận sau thuế	5.990	8.368	2.378	39,69%

Ghi chú: Công ty đã dùng toàn bộ lợi nhuận sau thuế năm 2019 chưa phân phối để chi trả cổ tức năm 2019.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<b>4.2.1. Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	4,98	5,02	
+ Thanh toán nhanh: TSNH-Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	3,12	4,07	
<b>4.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Nợ NH/Tổng tài sản	18,10%	18,06%	
+ Nợ NH/Vốn chủ sở hữu	22,11%	22,04%	
<b>4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	17,46	28,11	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,41	7,42	
<b>4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,33%	0,47%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	3,03%	4,27%	
+ Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,48%	3,50%	
+ Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,17%	0,31%	

#### 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

##### 5.1. Cổ phần:

- + Tổng số cổ phần của PSW là 17.000.000 (mười bảy triệu) cổ phần
- + Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- + Mệnh giá cổ phiếu: 10.000đ/cổ phiếu

##### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

- + Cổ đông là tổ chức:
  - DPM: chiếm 75% vốn điều lệ.
  - Các tổ chức khác (tỷ lệ dưới 5%/tổ chức): chiếm 15,4% vốn điều lệ.
- + Cổ đông là cá nhân: 9,6% vốn điều lệ.

##### 5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- + Tổng vốn đầu tư của PSW là 170.000.000.000 (Một trăm bảy mươi tỷ đồng).
- + Không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

##### 5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

##### 5.5. Các chứng khoán khác: Không.

#### 6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của PSW.

##### 6.1. Công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, nước:

Với mô hình là công ty chuyên kinh doanh và phân phối, không trực tiếp sản xuất nên rất ít rác thải công nghiệp (chủ yếu là bao bì hư hỏng, bóng đèn, rẻ lau dầu mỡ) và sử dụng ít nguyên vật liệu, năng lượng và nước.

## **6.2. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

- Trong năm 2020, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.
- Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường, kịp thời phổ biến, triển khai đến các đơn vị đảm bảo các quy định của pháp luật được áp dụng phù hợp; Đồng thời, định kỳ tổ chức rà soát, cập nhật các quy trình/quy định về ATSKMT - CL để đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế phát sinh.
- Thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các hoạt động công tác môi trường, thường xuyên tiến hành kiểm tra định kỳ, đột xuất đảm bảo an toàn tuyệt đối về con người, hàng hóa, giữ môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng và nâng cao ý thức tiết kiệm các nguồn tài nguyên, chi phí của Công ty.
- Thực hiện đo kiểm mức độ ô nhiễm tại các kho định kỳ 6 tháng/lần, đảm bảo môi trường làm việc cho CBNV và có chế độ bồi dưỡng phù hợp.
- Định kỳ thực hiện kiểm tra, giám sát công tác an toàn trong quá trình kinh doanh, giao nhận hàng hóa, đảm bảo tuân thủ các quy định, ngăn ngừa và giảm thiểu các nguy cơ mất an toàn, các vi phạm môi trường.
- Công tác quản lý chất thải được tuân thủ đúng và đầy đủ theo yêu cầu của pháp luật: bố trí kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa rác thải nguy hại theo đúng yêu cầu. Chất thải rắn, chất thải nguy hại phải được đăng ký, phân loại, thu gom và lưu trữ tạm thời để xử lý.
- Duy trì, tăng cường công tác vệ sinh, trồng cây xanh, tạo cảnh quan môi trường xanh - sạch - đẹp ở Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

## **6.3. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Lao động bình quân năm 2020 của Công ty là 61 người (lao động cuối kỳ 60 người). Công ty luôn đảm bảo chế độ lương, thưởng và phúc lợi xã hội theo yêu cầu của Pháp luật hiện hành.
- Tổ chức khám sức khỏe cho CBNV nhằm phát hiện bệnh nghề nghiệp hoặc các loại bệnh khác để có biện pháp chữa trị, thông báo, kiểm tra chuyên sâu kịp thời cho CBNV.
- Theo dõi và thực hiện giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể đảm bảo không xảy ra sự cố ngộ độc thực phẩm cho CBNV.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ phụ cấp cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên và CBNV làm việc thường xuyên tại các kho, cảng.
- Công tác đào tạo năm 2020 bám sát yêu cầu công việc, phù hợp với điều kiện của cá nhân, đề xuất đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn phù hợp với định hướng phát triển của Công ty. Triển khai đào tạo trong năm 17 khóa cho 204 lượt người với kinh phí 52 triệu đồng, đạt 202% kế hoạch lượt đào tạo và 34,6% kế hoạch kinh phí đào tạo năm 2020.

## **6.4. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương**

- Triển khai thực hiện tặng quà tết cho gia đình chính sách, gia đình nghèo tại khu vực nơi PSW đặt trụ sở tại Văn Phòng Công ty.
- Tổ chức các hội thảo, hội nghị, mô hình trình diễn, hướng dẫn kỹ thuật cho bà con nông dân khu vực ĐBSCL nhằm hướng tới canh nông nghiệp tác hiệu quả, bền vững.

## **6.5. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không**

## PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

#### 1.1. Phân tích tổng quan về hoạt động của PSW:

Mặc dù BDH đã đoàn kết, nỗ lực cùng tập thể CBCNV quyết tâm, đề ra nhiều giải pháp để phấn đấu hoàn thành các mục tiêu ĐHCĐ/HĐQT giao, tuy nhiên kết quả thực hiện các chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch đề ra (ngoại trừ chỉ tiêu sản lượng Ure PM) do những ảnh hưởng của những khó khăn khách quan như sau: sự biến động mạnh về giá các loại phân bón, đặc biệt là phân đơn như Urê, DAP, Kali. Hầu hết các loại phân bón đều giảm về mức đáy vào giữa năm và hồi phục trở lại vào những tháng cuối năm 2020. Đồng thời sự xâm nhập mặn nghiêm trọng ở ĐBSCL đã tác động nghiêm trọng đến lịch mùa vụ và làm thay đổi nhu cầu sử dụng phân bón tại ĐBSCL. Ban điều hành sẽ đánh giá nghiêm túc về những nguyên nhân, tồn tại cũng như đưa ra các giải pháp để thực hiện tốt hơn trong năm 2021.

#### 1.2. Những tiến bộ PSW đã đạt được:

- Hệ thống quản trị của PSW được thiết lập, cải tiến, ngày càng phát huy tác dụng.
- Tái cấu trúc bộ máy công ty ngày càng tinh gọn.
- Công tác sáng kiến, ý tưởng mới ngày càng được phát huy, đã hỗ trợ nâng cao chất lượng hoạt động của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- Công tác đào tạo, đào tạo nội bộ được cải tiến giúp nâng cao trình độ nghiệp vụ và kỹ năng cho CBCNV toàn Công ty.
- Hệ thống phân phối được củng cố phát triển bền vững, thiết lập và xây dựng hệ thống Cấp 2...
- Công ty tiếp tục giữ vững được niềm tin đối với khách hàng, thương hiệu Phân bón Phú Mỹ tại khu vực ĐBSCL vẫn được bà con nông dân tin dùng.

### 2. Tình hình tài chính:

#### 2.1. Tình hình tài sản

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm 2019	Cuối năm 2020	Tăng (+)/giảm(-)	
			Giá trị	%
<b>A.Tài sản ngắn hạn</b>	<b>217.985</b>	<b>217.089</b>	<b>-896</b>	<b>-0,41%</b>
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	38.923	124.677	85.754	220,31%
+ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	20.000	0	-20.000	-100,00%
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	77.553	50.868	-26.684	-34,41%
+ Hàng tồn kho	81.494	41.426	-40.068	-49,17%
+ Tài sản ngắn hạn khác	15	117	102	694,23%
<b>B.Tài sản dài hạn</b>	<b>23.577</b>	<b>22.136</b>	<b>-1.440</b>	<b>-6,11%</b>
+ Tài sản cố định	22.069	21.256	-813	-3,68%
+ Tài sản dở dang dài hạn	0	0	0	100,00%
+ Tài sản dài hạn khác	1.508	880	-627	-41,62%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>241.561</b>	<b>239.225</b>	<b>-2.336</b>	<b>-0,97%</b>

Tổng tài sản của Công ty cuối năm 2020 là 239,25 tỷ đồng, không có thay đổi nhiều so với năm 2019, tuy nhiên trong từng khoản mục có sự biến động lớn như: hàng tồn kho giảm 49,17% và các khoản phải thu giảm 34,41% trong khi tiền và các khoản tương đương tiền lại tăng mạnh 220,31%. Nguyên nhân chủ yếu là do trong

năm 2020, Công ty đã tăng cường tiêu thụ hàng hóa, giảm lượng hàng tồn kho và thu hồi các khoản công nợ tồn đọng của năm trước.

Tài sản dài hạn của Công ty giảm 6,11% so với năm 2019 chủ yếu do trích khấu hao các TSCĐ và phân bổ các chi phí trả trước.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Cuối năm 2019	Cuối năm 2020	Tăng (+)/giảm(-)	
			Giá trị	%
<b>A.Nợ ngắn hạn</b>	<b>43.733</b>	<b>43.203</b>	<b>-531</b>	<b>-1,21%</b>
+ Phải trả người bán	14.930	27.458	12.528	83,91%
+ Người mua trả tiền trước	18.278	5.464	-12.814	-70,11%
+ Thuế và các khoản phải nộp cho nhà nước	752	1.241	489	64,95%
+ Phải trả cho người lao động	5.583	5.094	-488	-8,74%
+ Chi phí phải trả	1.157	783	-374	-32,36%
+ Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	194	622	428	220,41%
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.839	2.541	-298	-10,50%
<b>B.Nợ dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>43.733</b>	<b>43.203</b>	<b>-531</b>	<b>-1,21%</b>

Tổng nợ phải trả năm 2020 là 43,2 tỷ đồng không có thay đổi nhiều so với năm 2019, trong đó các khoản mục có biến động mạnh là: khoản phải trả người bán tăng 83,91%, người mua trả tiền trước giảm 70,11%, thuế và các khoản phải nộp cho NN tăng 64,95%, các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác tăng 220,41%. Tất cả các khoản nợ này đều chưa đến hạn thanh toán.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- PSW đã ban hành bổ sung đầy đủ các quy chế, quy trình và quy định cơ bản phù hợp và nâng cao chất lượng bộ máy tổ chức phục vụ kinh doanh.
- Thực hiện cơ chế trả lương 3P theo hiệu quả công việc KPI.

### 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2021:

- Kinh doanh có hiệu quả 243.000 tấn phân bón các loại.
- Tiếp tục rà soát công tác tái cấu trúc theo hướng tinh gọn bộ máy.
- Tiếp tục cải tiến chính sách tiền lương phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Duy trì và phát triển hệ thống kênh phân phối bền vững, hiệu quả.
- Xây dựng đội ngũ kinh doanh chuyên nghiệp, hiệu quả.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến hợp lý phương thức quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.

### 5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của PSW:

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: PSW luôn tuân thủ đúng mục tiêu "phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội" trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực và đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về môi trường.
- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Bên cạnh việc đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, PSW còn đặc biệt quan tâm đến việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, rèn luyện kỹ năng, kinh nghiệm và văn hóa làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cho người lao động.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty phối hợp cùng DPM chủ động, tích cực phối hợp cùng chính quyền địa phương các tỉnh ĐBSCL trong các hoạt động phát triển cộng đồng cũng như các hoạt động An sinh xã hội.

## PHẦN IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của PSW.

Năm 2020 là năm thứ mười PSW hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, là một năm cực kỳ khó khăn và thách thức khi tình hình cạnh tranh phân bón ngày càng gay gắt, dịch bệnh, diễn biến giá phân bón trên thị trường biến động theo chiều hướng giảm đã ảnh hưởng đến lợi nhuận sản phẩm chủ lực của Công ty là Urê Phú Mỹ gây khó khăn rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh phân bón của Công ty. Trước những khó khăn trong năm 2020 với sự quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo sát sao của cổ đông lớn PVFCCo, sự phối hợp và hỗ trợ của khách hàng, đối tác, sự ủng hộ của Cổ đông cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của HĐQT, BGĐ cũng như CBNV, PSW đã nỗ lực thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2020.

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ thực hiện 2020/KH năm 2020
1	Sản lượng kinh doanh	Tấn	272.500	260.975	96%
2	Tổng doanh thu	Tỷ VNĐ	2.073,22	1.782,59	86%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ VNĐ	13,34	10,48	79%

### 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BGĐ Công ty.

- Giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho Phó Giám đốc phụ trách theo mảng để triển khai thực hiện.
- BGĐ đã tổ chức triển khai tốt các nghị quyết, quyết định của HĐQT để mang lại hiệu quả cao nhất cho PSW trong năm 2020.
- BGĐ đã tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, quy chế, quy định trong hoạt động điều hành kinh doanh.
- BGĐ đã chỉ đạo các Phòng chức năng trực thuộc rà soát, bổ sung, cập nhật quy chế, quy trình, quy định để ban hành phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế trong kinh doanh.
- BGĐ đã chủ động thực hiện đẩy mạnh công tác thị trường, hệ thống phân phối, chăm sóc khách hàng, xây dựng hình ảnh PSW với khách hàng và bà con nông dân trong khu vực.

### 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

- Tiếp tục tổ chức bộ máy và hoạt động của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể nhằm tăng hiệu quả hoạt động của HĐQT.
- Chỉ đạo hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch kinh doanh năm 2021 do ĐHĐCĐ thông qua.
- Giám sát các hoạt động của BGĐ và các cán bộ quản lý Công ty nhằm đảm bảo hoạt động của PSW đạt được mục tiêu, hoàn thành nhiệm vụ và phát triển bền vững. Bảo vệ và phát triển uy tín, hình ảnh và thương hiệu các sản phẩm của PSW cung cấp tới khách hàng và nông dân.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường và lấy ý kiến để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Tiếp tục chỉ đạo cập nhật, chỉnh sửa các quy chế, quy định, quy trình đang áp dụng tại PSW cho phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế. Triển khai xác định mô hình kinh doanh phù hợp cũng như áp dụng công nghệ 4.0 vào quản lý, thực hiện tái cấu trúc PSW và nhân sự có chất lượng cao, có trình độ chuyên môn vững vàng và phù hợp để đảm bảo tối ưu hóa kết quả hoạt động PSW.
- Rà soát, cập nhật và cụ thể hóa chiến lược phát triển PSW đến năm 2025, định hướng đến năm 2035.
- Quan tâm và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp cho cổ đông và thực hiện các nhiệm vụ khác được ĐHCĐ giao.

## PHẦN V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị:

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

HĐQT đương nhiệm gồm 5 thành viên, cơ cấu gồm Chủ tịch HĐQT và 4 ủy viên. Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó		Ghi chú
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)	
1	Phạm Quý Hiền	30,06	30,00	0,060	Người đại diện phần vốn theo quyết định 405/QĐ-PBHC ngày 03/06/2016 (Ông Khiêm thôi làm Người đại diện phần vốn của DPM kể từ ngày 24/08/2020, Người thay thế là Ông Bằng)
2	Trịnh Văn Khiêm	20,00	20,00	0,000	
3	Nguyễn Công Bằng	20,00	20,00	0,000	
4	Lê Thanh Tùng	12,50	12,50	0,003	
5	Trần Tuấn Kiệt	12,50	12,50	0,000	

#### 1.2 Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT:

HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra, giám sát các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra Quyết định/Nghị quyết, đồng thời chỉ đạo, đôn đốc BGD Công ty triển khai thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

#### 1.3 Hoạt động của HĐQT:

##### 1.3.1 Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Quý Hiền	CT.HĐQT	01/07/2013	5/5	100%	
2	Trịnh Văn Khiêm	UV.HĐQT	11/01/2016	4/5	80%	Vắng họp có lý do
3	Trần Tuấn Kiệt	UV.HĐQT	03/11/2017	4/5	80%	
4	Lê Thanh Tùng	UV.HĐQT	20/04/2016	5/5	100%	
5	Nguyễn Công Bằng	UV.HĐQT	15/11/2016	5/5	100%	

##### 1.3.2 Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức 5 cuộc họp HĐQT, 13 lần lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để thông qua một số nghị quyết/quyết định như sau:

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	03/01/2020	NQ về việc chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của PSW

Stt	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
2	02/NQ-TNB	09/01/2020	NQ phiên họp quý 4/2019 của HĐQT Công ty
3	03/NQ-TNB	15/01/2020	NQ về việc chấp thuận quỹ lương thực hiện năm 2019
4	02/QĐ-TNB-HĐQT	17/02/2020	QĐ về việc phê duyệt và ban hành định mức hàng tồn kho và nợ phải thu của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
5	04/NQ-TNB	04/03/2020	NQ về việc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PSW
6	03/QĐ-TNB-HĐQT	27/03/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh phân bón của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
7	04/QĐ-TNB-HĐQT	27/03/2020	QĐ về việc ban hành Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm phân bón của CTCP Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ
8	05/NQ-TNB	06/04/2020	NQ về việc tạm hoãn thời gian tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
9	06/NQ-TNB	07/04/2020	NQ phiên họp quý 1/2020 của HĐQT Công ty
10	07/NQ-TNB	07/04/2020	NQ về việc thông qua định mức đầu tư tiền gửi tại các TCTD và phê duyệt kế hoạch dòng tiền năm 2020
11	08/NQ-TNB	05/05/2020	NQ về việc thông qua phương án chuyển nhượng kho Thanh Bình - Đồng Tháp
12	09/NQ-ĐHĐCĐ	09/06/2020	NQ phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 của PSW
13	10/NQ-TNB	14/07/2020	NQ về việc phê duyệt đơn vị kiểm toán BCTC năm 2020
14	11/NQ-TNB	17/07/2020	NQ phiên họp quý 2/2020 của HĐQT Công ty
15	12/NQ-TNB	31/07/2020	NQ về công tác cán bộ
16	13/NQ-TNB	07/08/2020	NQ v/v thông qua chủ trương mua bảo hiểm cho CBNV
17	05/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ thôi giữ chức vụ giám đốc Công ty - ông Trịnh Văn Khiêm
18	06/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ bổ nhiệm chức vụ giám đốc Công ty - ông Nguyễn Công Bằng
19	07/QĐ-TNB-HĐQT	24/08/2020	QĐ v/v ký HĐLĐ đối với ông Nguyễn Công Bằng
20	14/NQ-TNB	28/08/2020	NQ v/v phân công nhiệm vụ trong HĐQT CTCP Phân bón và HCDK Tây Nam Bộ
21	15/NQ-TNB	15/10/2020	NQ phiên họp quý 3/2020 của HĐQT Công ty
22	16/NQ-TNB	16/10/2020	NQ v/v chi trả cổ tức năm 2019
23	17/NQ-TNB	29/10/2020	NQ v/v điều chỉnh chính sách nhân viên
24	02/ NQ-TNB	15/01/2021	NQ phiên họp quý 4/2020 của HĐQT Công ty

1.4 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị: Các thành viên HĐQT đã tham gia khóa học về quản trị công ty. Ngoài ra, Người công bố



thông tin, Chủ tịch HĐQT công ty đã tham và cập nhật Luật, thông tư, Quan hệ nhà đầu tư và quan hệ công chúng do UBCKNN, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam phát hành, tổ chức.

## 2 Ban kiểm soát:

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của BKS:

- BKS đương nhiệm gồm 3 thành viên, cơ cấu gồm Trưởng BKS và 2 thành viên. Trong đó có 01 thành viên là đại diện cổ đông khách hàng.
- Danh sách và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của các thành viên BKS:

Stt	Họ và Tên	Tổng số (%)	Trong đó		Ghi chú
			Tỷ lệ CP đại diện (%)	Tỷ lệ CP SH cá nhân (%)	
1	Bà Mai Hồng Khánh	0,005	0,00	0,005	Đại diện DPM (chiếm 75% vốn)
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	0,000	0,00	0,00	Đại diện DPM (chiếm 75% vốn)
3	Bà Phạm Thị Á Châu	8	8	0,00	Đại diện theo đề cử cổ đông năm 2016

### 2.2 Hoạt động của BKS:

#### 2.2.1 Thông tin về thành viên BKS

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Mai Hồng Khánh	TBKS	01/01/2011	5/5	100%	
2	Bà Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	20/04/2016	5/5	100%	
3	Bà Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	20/04/2016	5/5	100%	

#### 2.2.2 Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BGĐ và cổ đông.

- BKS rà soát số liệu phát sinh và được ghi nhận trong các kỳ BCTC của PSW với mục tiêu chú trọng vào các vấn đề trọng yếu, kiểm soát mức độ bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- Giám sát tình hình triển khai nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2020.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết, quyết định của HĐQT; Giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định của PSW.
- Thực hiện báo cáo kiểm tra, giám sát hàng tháng, quý.
- Tình hình chi trả cổ tức:
  - ✓ Tình hình chi trả cổ tức năm 2019 được thực hiện theo NQ số 09/NQ-HĐQT ngày 09/06/2020 (5%/mệnh giá cổ phần).
  - ✓ Trong năm 2020, PSW không chi tạm ứng cổ tức năm 2020, dự kiến sẽ chi trả cổ tức 1 lần theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

#### 2.2.3 Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, BGĐ và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã có sự phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BGĐ trong việc tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, BKS luôn nhận được sự hỗ trợ từ HĐQT, BGĐ và các phòng, đơn vị trực thuộc của Công ty để có số liệu, tài liệu, các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết góp phần hoàn thành nhiệm vụ của BKS.

2.2.4. Hoạt động khác của BKS

BKS xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm và phân công từng thành viên tham gia kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng của DPM để thực hiện kiểm tra các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của PSW.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD và BKS:

3.1. Thù lao của HĐQT, BGD và BKS

Đvt: đồng

Stt	Họ tên	Chức danh	Tiền lương,	Tiền thưởng và phúc lợi từ quỹ KT-PL	Chi phí và lợi ích khác	Tổng cộng
			+ Thù lao			
<b>I. Hội đồng quản trị</b>						
1	Phạm Quý Hiền	CT. HĐQT	569.515.320	381.909.150	98.082.609	1.049.507.079
2	Trịnh Văn Khiêm	UV HĐQT kiêm GD	428.243.523	346.192.321	68.401.290	842.837.134
3	Nguyễn Công Bằng	UV HĐQT kiêm GD	484.196.593	299.241.113	87.525.645	870.963.351
4	Lê Thanh Tùng	UV HĐQT kiêm P.GD	505.139.000	314.361.289	96.110.000	915.610.289
5	Trần Tuấn Kiệt	UV HĐQT	48.000.000			48.000.000
<b>II. Ban kiểm soát</b>						
1	Mai Hồng Khánh	T.BKS	42.000.000			42.000.000
2	Bùi Trịnh Vân Anh	TV.BKS	30.000.000			30.000.000
3	Phạm Thị Á Châu	TV.BKS	30.000.000			30.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>2.137.094.436</b>	<b>1.341.703.873</b>	<b>350.119.544</b>	<b>3.828.917.853</b>

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (không)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: (Bảng kê chi tiết các giao dịch với cổ đông nội bộ đính kèm).

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản trị.

**PHẦN VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

1. Báo cáo Tài chính năm 2020 của PSW đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam thực hiện kiểm toán (kèm theo Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán).

2. Ý kiến kiểm toán:

Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kính báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các thông tin thường niên (năm 2020) cần công bố theo quy định của PSW.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- UB Chứng khoán Nhà nước;
- SGDCKHN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Phó GD, KTT (để biết);
- Lưu VT, TCHC, PHN.



**THÔNG TIN CÁC GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY VỚI CÁC CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN  
GIAO DỊCH MUA BÁN PHẦN BÓN**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Số hiệu HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch	Ghi chú
1	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/01/2020	17/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/01/2020	17/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
3	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/01/2020	26/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
4	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/01/2020	25/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
5	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/01/2020	38/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
6	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/02/2020	38/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
7	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/02/2020	56/2019/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
8	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/02/2020	62-92A/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
9	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/02/2020	68/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
10	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013,	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	79/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua

			tại Sở KH&ĐT Tp HCM					
11	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	77/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
12	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/02/2020	77/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
13	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	05/03/2020	78/2020/PSE/KD-TNB/B-KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
14	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	03/03/2020	94/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-DAP	Phân bón DAP PM	Mua
15	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/03/2020	110/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
16	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/03/2020	113/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
17	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/03/2020	127/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
18	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/03/2020	128/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
19	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/03/2020	129/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
20	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	181/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
21	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	181/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
22	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	31/03/2020	127/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
23	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/04/2020	195/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua

24	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	196/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
25	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	195/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
26	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	197/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
27	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/04/2020	197/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
28	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/04/2020	216/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
29	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/04/2020	220/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
30	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	224/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
31	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	231/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
32	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/04/2020	224/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
33	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	06/05/2020	260/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
34	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
35	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	277/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
36	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua



37	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
38	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
39	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
40	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	19/05/2020	281/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua
41	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
42	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
43	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
44	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/05/2020	300-309/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
45	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
46	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/05/2020	278/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
47	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	14/05/2020	266/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
48	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	04/06/2020	325/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
49	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	04/06/2020	325/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
50	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

51	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
52	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
53	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
54	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/06/2020	330/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
55	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/06/2020	341/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
56	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	17/06/2020	272/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
57	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/06/2020	352/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
58	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	17/06/2020	352/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
59	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/06/2020	374/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
60	PVFCCo	CĐL	nt	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	15/06/2020	341/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
61	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
62	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
63	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	29/06/2020	391/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
64	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	02/07/2020	332/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua



			HCM					
65	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	07/07/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
66	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/06/2020	399/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
67	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	09/07/2020	417/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
68	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/07/2020	390/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
69	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/07/2020	426/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
70	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	16/07/2020	426/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
71	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	27/07/2020	368/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
72	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
73	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
74	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua



			HCM					
75	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
76	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
77	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
78	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
79	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
80	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/07/2020	443/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
81	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	13/08/2020	471/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
82	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	05/08/2020	456/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
83	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	10/08/2020	456/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
84	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/08/2020	464- 465/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua



			HCM					
85	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/08/2020	468/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
86	PVFCCo-PSE	CĐL	0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	11/08/2020	415/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	
87	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	21/08/2020	479/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
88	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	24/08/2020	482-511/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
89	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	25/08/2020	490-497A/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
90	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	26/08/2020	495/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
91	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	27/08/2020	495/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
92	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	27/08/2020	444/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
93	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	04/09/2020	477/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
94	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	07/09/2020	479/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua

			HCM					
95	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	11/09/2020	522/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
96	PVFCCo	nt	nt	nt	11/09/2020	522/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
97	PVFCCo	nt	nt	nt	29/09/2020	560/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
98	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
99	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
100	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
101	PVFCCo	nt	nt	nt	30/09/2020	570/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
102	PVFCCo	nt	nt	nt	02/10/2020	569/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
103	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	05/10/2020	545/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
104	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	12/10/2020	579/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
105	PVFCCo	nt	nt	nt	14/10/2020	582/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
106	PVFCCo	nt	nt	nt	15/10/2020	585/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
107	PVFCCo	nt	nt	nt	19/10/2020	590/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
108	PVFCCo	nt	nt	nt	22/10/2020	594/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
109	PVFCCo	nt	nt	nt	22/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-	Phân bón NPK PM	Mua

						TNB/B-NPK		
110	PVFCCo	nt	nt	nt	26/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
111	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
112	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
113	PVFCCo	nt	nt	nt	30/10/2020	595/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
114	PVFCCo	nt	nt	nt	15/10/2020	569/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-KALI	Phân bón Kali PM	Mua
115	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	590-634/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
116	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	594-639-648/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
117	PVFCCo	nt	nt	nt	03/11/2020	619/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón NPK PM	Mua
118	PVFCCo	nt	nt	nt	13/11/2020	619/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
119	PVFCCo	nt	nt	nt	17/11/2020	619/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
120	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	17/11/2020	614/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
121	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	18/11/2020	651/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
122	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	590-634/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
123	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	594-639-648/2020/PVFCCO/KD-	Phân bón Ure PM	Mua

						TNB/B-DPM		
124	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
125	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
126	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
127	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
128	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
129	PVFCCo	nt	nt	nt	24/11/2020	674/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
130	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
131	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
132	PVFCCo	nt	nt	nt	07/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
133	PVFCCo	nt	nt	nt	18/12/2020	719/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
134	PVFCCo	nt	nt	nt	19/12/2020	718/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
135	PVFCCo	nt	nt	nt	19/12/2020	718/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua
136	PVFCCo	nt	nt	nt	20/12/2020	717/2020/PVFCCO/KD-TNB/B-DPM	Phân bón Ure PM	Mua
137	PVFCCo	nt	nt	nt	22/12/2020	711/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Khác	Mua
138	PVFCCo-PSE		0305918852 ngày 18/08/2008 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, P.24, Q.BT, TP.HCM	23/12/2020	713/2020/PSE/KD-TNB/KALI NK	Phân bón Kali PM	Mua
139	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/12/2020	786/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón Kali PM	Mua



			HCM					
140	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013, tại Sở KH&ĐT Tp HCM	Số 43, Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM	30/12/2020	692/2020/PVFCCo/KD-TNB/B-NPK	Phân bón NPK PM	Mua

### GIAO DỊCH THỰC HIỆN DỊCH VỤ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ với Công ty	Số giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính	Ngày ký HĐ/giao dịch	Tóm tắt trích yếu nội dung HĐ/giao dịch
1	PVFCCo	CDL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	34/2020/PVFCCo/PB-PVFCCo-SW/D_BX-GN-VC-LK ngày 08/01/2020	Thực hiện dịch vụ bốc xếp, vận chuyển, lưu kho, vận chuyển

2	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 104/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_QC ngày 05/03/2020	HĐDV quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón Phú Mỹ
3	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 121/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_VCDA ngày 16/03/2020	HĐ bốc xếp, vận chuyển, giao nhận quà tặng khuyến mãi là dầu ăn Tường An 250ml
4	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	HĐ số 271/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D_QC ngày 15/05/2020	HĐDV quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón Phú Mỹ.
	PVFCCo	CĐL	0303165480 ngày 16/07/2013 tại Sở KH&ĐT Tp HCM	43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đakao, Quận 1, TP HCM	602/2020/PVFCCo/NCPT&TT-PVFCCo-SW/D-QC ngày 26/10/2020	Dịch vụ quảng cáo và dịch vụ tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng cho sản phẩm phân bón Phú Mỹ

**Ghi chú:** Tổng Công ty Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí - CTCP (PVFCCo) là Cổ đông lớn (CĐL); Công ty Cổ Phần Phân bón và Hóa Chất Dầu Khí Đông Nam Bộ (PVFCCo-SE); Cổ đông lớn (CĐL)